

Bản án số: 78/2026/HNGĐ - ST.

Ngày: 06 – 3 – 2026.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân;

2. Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Lang H, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 082189011575; ngày cấp: 30/11/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094088018645; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Lang H trình bày:

Vào năm 2015, bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục để chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 04/11/2015. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung là Nguyễn Lê Quỳnh H1, sinh ngày

25/3/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 01/12/2017, hiện đang sống chung với ông T. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/01/2026, bà Lê Thị Lang H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T; về con chung bà giao cho ông Nguyễn Trọng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Quỳnh H1, sinh ngày 25/3/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 01/12/2017 đến khi đủ 18 tuổi; bà có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 và cháu L với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/trên tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/4/2026; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Lang H.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh H1, sinh ngày 25/3/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 01/12/2017 cho ông Nguyễn Trọng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Lê Thị Lang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 và cháu L với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/trên tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/4/2026.

+ Về tài sản chung: Bà Lê Thị Lang H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Trọng T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lê Thị Lang H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Trọng T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trọng T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Lang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lang H xác định bà và ông Nguyễn Trọng T chung sống như vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 04/11/2015. Hôn nhân của bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi bà H chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không Tuấn bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị Lang H xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 02 (Hai) người con chung là Nguyễn Lê Quỳnh H1, sinh ngày 25/3/2016

và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 01/12/2017, hiện nay đang sống chung với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà H xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu L1, hiện nay hai cháu vẫn đang chung sống với ông T nên bà giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà Lê Thị Lang H và ông Nguyễn Trọng T đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân (năm 2021) cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu H1 và cháu L chung sống với ông T, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 và cháu L1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lê Thị Lang H mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, do đó bà Lê Thị Lang H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Lê Quỳnh H1 và cháu Nguyễn Lê Quỳnh L là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Trọng T chưa có yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1, cháu L với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/4/2026 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Lang H xác định bà và ông Nguyễn Trọng T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Lang H xác định bà và ông Nguyễn Trọng T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Lê Thị Lang H phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Lang H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh H1, sinh ngày 25/3/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh L, sinh ngày 01/12/2017 cho ông Nguyễn Trọng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Lê Thị Lang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 và cháu L với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/trên tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/4/2026. Sau khi ly hôn bà Lê Thị Lang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Lang H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng bà H phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011659 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà H còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo

